

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2016

TÊN CÔNG TY ĐẠI CHÚNG: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1703000299 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 31/05/2007, cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 21/03/2014 với Mã số doanh nghiệp 4600409377
- Vốn điều lệ: 250.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 250.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
- Số điện thoại: 02803.901.329;02803.843.185
- Số Fax: 02803.843.185
- Website: <http://ximangquantrieu.com>
- Mã cổ phiếu: CQT

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI (VQTC) là một doanh nghiệp hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV- CTCP, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 1703000299 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 31/05/2007, Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 5 ngày 21/03/2014 với Mã số doanh nghiệp 4600409377) với các cổ đông sáng lập là các Công ty có tiềm lực tài chính và giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh, cụ thể gồm: Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin; Công ty TNHH một thành viên Than Khánh Hòa VVMI; Công ty Cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị Than nội địa; Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị áp lực - VVMI; Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI.

Ngày 31/05/2007, Công ty chính thức hoạt động với mức vốn điều lệ ban đầu là 120 tỷ đồng. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thực hiện quá trình tăng vốn để mở rộng qui mô. Tính đến thời điểm hiện tại, vốn điều lệ của Công ty là 250 tỷ

đồng. Cổ đông lớn nhất của Công ty là Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- CTCP (nắm giữ 21.228.014 cổ phần chiếm tỷ lệ 84,91% tổng số vốn điều lệ của Công ty).

❖ **Quá trình tăng vốn điều lệ:**

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty cổ phần là 120.000.000.000 đồng.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thực hiện quá trình tăng vốn để mở rộng qui mô, cụ thể:

- Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22/02/2008 đã nhất trí thông qua Phương án tăng vốn điều lệ của Công ty từ 120 tỷ đồng lên 160 tỷ đồng (phát hành thêm 4.000.000 cổ phần tương ứng với 40 tỷ đồng) cho cổ đông hiện hữu, thời gian thực hiện vào Quý IV năm 2008.
- Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 26/5/2008 đã nhất trí thông qua Phương án phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 160 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng (phát hành thêm 4.000.000 cổ phần tương ứng với 40 tỷ đồng), thời gian thực hiện từ Quý I năm 2009 cho đến cuối năm 2010 và ngày 22/12/2010 Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần thứ 3 với mức vốn điều lệ là 200 tỷ đồng.
- Căn cứ tình hình thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy và giá trị tổng dự toán công trình, ngày 16/4/2011 tại đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 đã nhất trí thông qua Phương án phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 200 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng, phát hành cho cổ đông hiện hữu, các cổ đông góp vốn theo tiến độ và ngày 21/3/2014 Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần thứ 5 với mức vốn điều lệ là 250 tỷ đồng.

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

+ Ngành nghề kinh doanh chính:

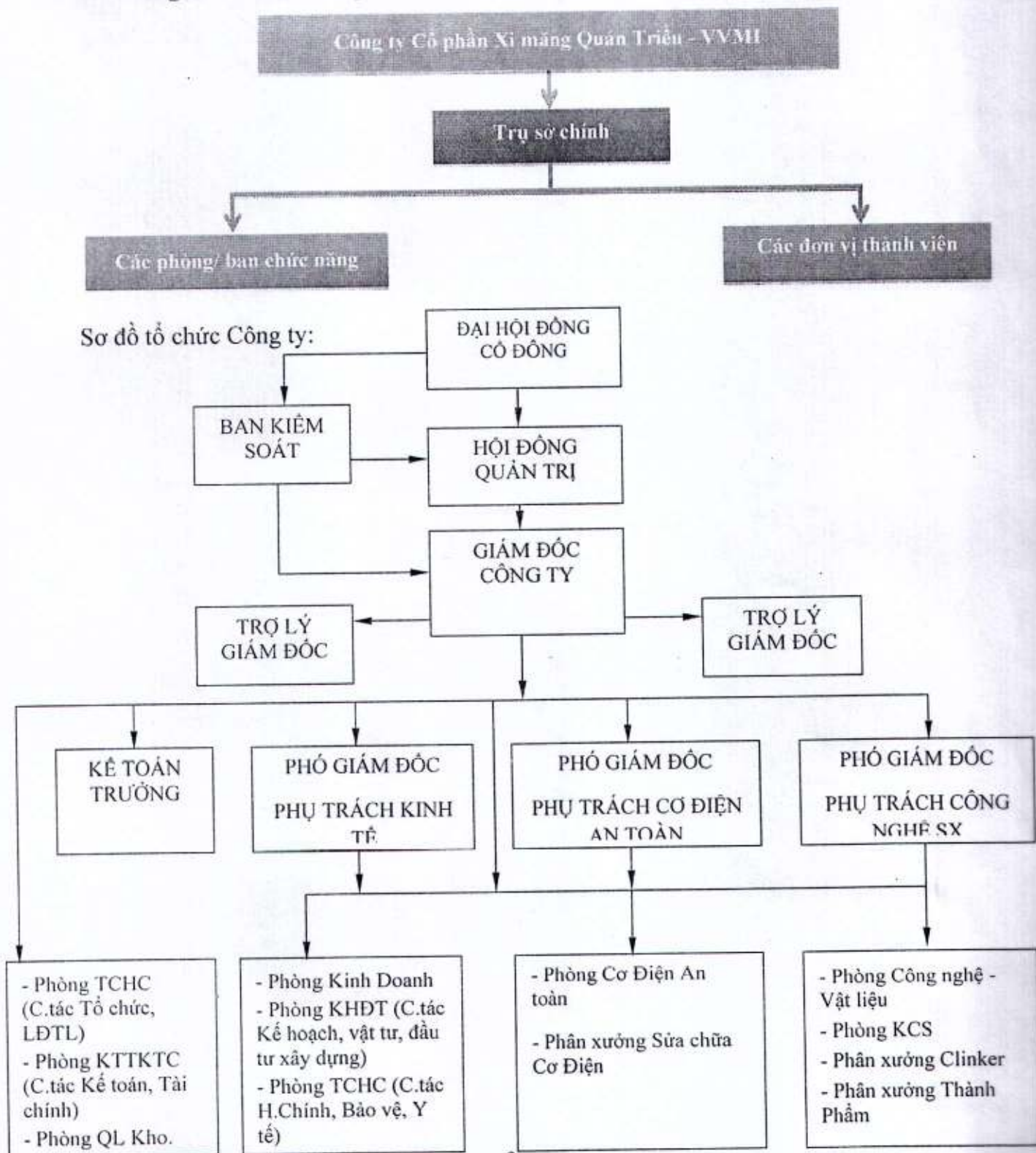
- Sản xuất xi măng, clinker và các sản phẩm vật liệu xây dựng khác;
- Vận chuyển hàng hóa đường bộ;
- Dịch vụ khác.

+ Địa bàn kinh doanh:

- Hiện tại, địa bàn hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính ở Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.
- Trụ sở chính của Công ty là nơi đặt văn phòng làm việc của Giám đốc, Phó Giám đốc Công ty, các khối nghiệp vụ của Công ty gồm 12 phòng ban. Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI hiện nay không có các đơn vị hạch toán phụ thuộc cũng như các đơn vị thành viên.

- Công ty bán hàng cho trên 60 cửa hàng tiêu thụ sản phẩm và các nhà phân phối, ngoài ra còn bán trực tiếp cho người tiêu dùng.
- Thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty chủ yếu ở khu vực phía Bắc, bao gồm các tỉnh: Thái Nguyên, Bắc Kạn, Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Bắc Giang,... và các đơn vị trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:



Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty.

Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI tổ chức bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến chức năng. Nhìn chung bộ máy quản lý và điều hành Công ty đã thực hiện tương đối tốt nhiệm vụ điều hành quản lý hoạt động SXKD đã có sự phân công trách nhiệm rõ ràng của từng bộ phận trong dây chuyền sản xuất.

❖ **Bộ máy lãnh đạo:**

• **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ họp thường niên hoặc bất thường, tổ chức ít nhất mỗi năm một lần, quyết định chiến lược phát triển của Công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, thông qua nghị quyết các vấn đề như bổ sung và sửa đổi Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần phát hành, mức cổ tức chi trả cho cổ đông hàng năm, thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát,... Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu, bãi nhiệm thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

• **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

• **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có nhiệm vụ thay mặt Đại hội đồng Cổ đông giám sát, đánh giá công tác điều hành, quản lý của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc theo đúng qui định trong Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông; Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc cung cấp mọi Hồ sơ và thông tin cần thiết liên quan đến công tác điều hành quản lý Công ty.

• **Ban Giám đốc**

Giám đốc là đại diện pháp luật của Công ty. Chịu trách nhiệm về tổ chức sản xuất điều hành kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như việc thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, cơ quan chủ quản theo quy định, thực hiện nghĩa vụ với người lao động theo hợp đồng đã ký.

Các Phó Giám đốc Công ty là người giúp việc trực tiếp cho Giám đốc Công ty trong từng lĩnh vực đã phân công.

• **Kế toán trưởng**

Kế toán trưởng có nhiệm vụ phụ trách chung mọi hoạt động của phòng Kế toán – Thống kê, tham mưu cho Giám đốc về tình hình tài chính, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về toàn bộ công tác và chế độ tài chính của Công ty.

❖ **Các phòng ban chức năng:**

Công ty bao gồm 12 phòng ban, cụ thể: Phòng TCHC (bao gồm: Công tác Tổ chức, LĐTL, Văn phòng, Y tế, Bảo vệ), Phòng KTTKTC (bao gồm: Công tác Kế toán, Tài chính, Bán hàng), Phòng KHĐT (bao gồm: Công tác Kế hoạch, Vật tư, Đầu tư xây dựng), Phòng Quản lý Kho, Phòng Kinh Doanh, Phòng Cơ Điện An toàn (bao gồm: Công tác Kỹ thuật cơ điện, An toàn BHLĐ), Phòng Công nghệ Vật liệu, Phòng KCS (kiểm tra chất lượng), Phân xưởng Sửa chữa Cơ Điện, Phân xưởng Clinker, Phân xưởng Thành Phẩm.

4. **Các công ty con, công ty liên kết:** Không có

5. **Định hướng phát triển:**

Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI có định hướng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh bằng việc đầu tư phát triển theo chiều sâu nhằm nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm để đáp ứng ngày càng tốt nhu cầu của khách hàng. Cụ thể:

- Thực hành tiết kiệm triệt để trong sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển, tiếp tục hoàn thiện Quy chế khoán nhằm giảm thiểu chi phí đầu vào, hạ giá thành sản phẩm. Triển khai thực hiện Quy chế khoán đến từng phân xưởng sản xuất và các bộ phận trong Công ty;
- Tăng cường công tác kiểm tra, quản lý nguồn nguyên, nhiên liệu đầu vào đảm bảo chất lượng phục vụ sản xuất;
- Đặt khách hàng là trung tâm cho mọi hoạt động của Công ty, thường xuyên bám sát diễn biến thị trường để xây dựng và triển khai các chính sách bán hàng linh hoạt nhằm khai thác triệt để thời cơ kinh doanh;
- Thường xuyên rà soát việc bố trí sử dụng lao động tại các tổ, các bộ phận trong Công ty để bố trí hợp lý lao động trong dây chuyền sản xuất, phát huy tối đa công suất máy móc thiết bị, nâng cao năng suất lao động;
- Rà soát, phân loại các khoản nợ phải thu để có kế hoạch và thành lập ban thu hồi công nợ để đưa ra những biện pháp thu hồi nợ hợp lý;
- Đặc biệt quan tâm đến công tác đầu tư phát triển nguồn nhân lực như ký kết hợp đồng đào tạo với các trường để tổ chức đào tạo nâng cao tay nghề cho cán bộ công nhân viên và nâng cao năng lực, trình độ quản lý cho Ban lãnh đạo Công ty;
- Phấn đấu đến năm 2018 Công ty bắt đầu chia cổ tức cho các cổ đông;

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của công ty: Không ngừng đổi mới và cải thiện môi trường làm việc cho người lao động, đảm bảo môi trường trong sạch đối với cộng đồng và xã hội.

Để thực các mục tiêu nêu trên, Công ty xác định một mặt phải tiếp tục ổn định công tác tổ chức sản xuất, mặt khác phải đặt biệt quan tâm chú trọng đến công tác tiêu thụ, phát triển thị trường, để làm được điều đó Công ty dự kiến thực hiện các công việc sau:

5.1 Về công tác sản xuất:

a. Về thiết bị:

Tuân thủ các quy định về vận hành, thường xuyên kiểm tra tình hình của máy móc, thiết bị, hệ thống dây chuyền sản xuất; rà soát tình trạng hoạt động của thiết bị để giảm thời gian dừng vật.

Tăng cường công tác điều hành sản xuất, phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong khối và bộ phận tiêu thụ để đưa ra lịch chạy hoặc dừng thiết bị hợp lý nhất, đảm bảo cho thiết bị chạy liên tục, dài ngày, hạn chế số lần khởi động và dừng thiết bị.

Tăng cường công tác nghiên cứu cải tiến kỹ thuật; Tiến hành khắc phục và sửa chữa các thiết bị như máy nghiền nguyên liệu, máy nghiền xi, máy nghiền than nhằm nâng cao năng suất thiết bị, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm; Tính toán tối ưu hóa thời gian bảo trì và thời gian chạy máy để đảm bảo thiết bị chạy ổn định nhất, chủ động dừng các thiết bị vào giờ cao điểm để giảm chi phí điện năng.

Triển khai đầu tư xây dựng mới 01 xi lô xi măng chứa xi măng bột PC30 để đảm bảo chất lượng xi măng ổn định, không bị lẫn mạt và thuận lợi cho việc tiêu thụ sản phẩm.

Tiết kiệm chi phí trong quá trình sản xuất bằng cách tăng cường công tác bảo dưỡng sửa chữa để giảm thời gian ngừng sản xuất nâng cao hiệu suất thiết bị, nâng cao năng suất lò nung và công suất nghiền xi măng. Cung cấp nhanh chóng, kịp thời vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế để đảm bảo cho quá trình sản xuất của nhà máy được liên tục. Tăng tỷ lệ phối trộn than cám 4A Núi Hồng với than cám 5 Khánh Hòa để đảm bảo có đủ nguồn nhiên liệu phục vụ sản xuất đồng thời mang lại hiệu quả kinh tế cao. Quản lý chặt chẽ hệ thống kho bãi chứa nguyên vật liệu một cách tiết kiệm, khoa học.

Xây dựng kế hoạch tổng hợp, chi tiết cho từng đơn vị. Kiểm tra giám sát việc thực hiện kế hoạch đã đặt ra đối với từng đơn vị và có những biện pháp điều chỉnh cần thiết, kịp thời.

b. Về công nghệ sản xuất:

Triển khai tích cực các giải pháp công nghệ để nâng cao mác nền clinker và xi măng, tổ chức giám sát chặt chẽ hệ số phối liệu từ khâu lựa chọn nguyên liệu đến khâu vận hành thiết bị để giữ phối liệu ổn định.

Nghiên cứu cân đối tỷ lệ từng loại phụ gia, tiến hành thử nghiệm khả năng hoạt tính, khả năng cải thiện màu sắc để xác định tỷ lệ phụ gia tối ưu nhằm hạ giá thành sản xuất và tăng cường tính cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

Khai thác hiệu quả nguồn nguyên liệu hiện có để đáp ứng ổn định phối liệu và giảm tiêu hao các nguyên liệu điều chỉnh.

Nghiên cứu các biện pháp sản xuất clinker với chất lượng tốt, mác cao để có khả năng pha được nhiều phụ gia xi măng, tăng được khối lượng xi măng để giảm chi phí giá thành trên một tấn sản phẩm.

Sử dụng phụ gia trợ nghiền cho khoảng 50% xi măng rời 40, phần đầu đưa phụ gia vào nghiền xi măng PCB 40 18-20%.

Kiểm tra chặt chẽ chất lượng nguyên vật liệu đầu vào, tuân thủ quy trình công nghệ đảm bảo chất lượng hàng khi xuất bán.

Kiểm tra giám sát chặt chẽ chất lượng sản phẩm bằng cách kiểm tra sát sao chất lượng nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất, tuân thủ quy trình kỹ thuật công nghệ, kiểm soát chất lượng sản phẩm xuất bán. Đặc biệt tăng cường kiểm soát chặt chất lượng đá vôi đầu vào, dự trữ vật tư, nguyên vật liệu hợp lý phục vụ kịp thời sản xuất, xây dựng bài toán phối liệu phù hợp với sự dao động của nguyên liệu đầu vào, kiểm tra thường xuyên, liên tục chất lượng xi măng, clinker xuất bán, tuyệt đối không đưa ra thị trường những sản phẩm kém chất lượng.

c. Về công tác An toàn lao động:

Đặc biệt chú trọng đến công tác An toàn vệ sinh lao động – Phòng chống cháy nổ trong đơn vị, nâng cao ý thức tự giác của người lao động thực hiện tốt việc sử dụng đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động cá nhân theo đúng quy định, tuyên truyền, vận động người lao động tự bảo vệ mình, bảo vệ đồng đội.

Kiên quyết không để xảy ra tai nạn lao động nặng, tai nạn lao động chết người và sự cố thiết bị loại I, loại II.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, tăng cường kỷ luật lao động đối với các cá nhân vi phạm, động viên, khen thưởng kịp thời các cá nhân xuất sắc.

Xây dựng, bổ sung và hoàn thiện các biện pháp an toàn trong thực hiện nhiệm vụ, tích cực cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, phòng chống độc hại tại các vị trí sản xuất.

Phần đầu chấm điểm cuối năm Công ty đạt loại xuất sắc.

d. Về thị trường tiêu thụ:

Thực hiện nghiêm túc cơ chế điều hành của Tổng Công ty Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP và Cơ chế điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2016.

Xây dựng và phát triển hệ thống mạng lưới tiêu thụ, mở rộng thị trường ra các địa bàn có tiềm năng, xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với hệ thống đại lý và nhà phân phối để tăng sản lượng tiêu thụ. Có chế độ chính sách bán hàng linh hoạt, phù hợp để nâng cao chất lượng dịch vụ bán hàng và sau bán hàng. Tổ chức chăm sóc khách hàng hiện có và phát triển thêm khách hàng mới, có chiến lược tăng sản lượng tiêu thụ vào các thị trường Thái Nguyên, Hà Nội, trong đó tập trung trọng điểm tăng sản lượng tại thị trường Thái Nguyên, Sóc Sơn- Đông Anh.

Tiếp tục giữ vững thị trường đang có, chọn lọc khách hàng tiềm năng, giảm bớt việc bán hàng trả chậm, xây dựng thương hiệu thông qua quảng cáo, chăm sóc khách hàng và duy trì sự ổn định của chất lượng sản phẩm. Đẩy mạnh tiêu thụ ở khu vực giá cao như tỉnh Thái Nguyên, Cao Bằng, Bắc Kạn, giữ vững thị trường Bắc Giang, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh. Tăng cường cán bộ kiểm tra kiểm soát thị trường, chăm sóc khách hàng, nhằm đẩy mạnh tiêu thụ sản lượng xi măng.

Thực hiện chiết khấu năm đối với các khách hàng trên các khu vực thị trường nhằm đảm bảo sự cam kết gắn bó lâu dài giữa Công ty và khách hàng.

Cụ thể đối với các khu vực thị trường như sau:

❖ Đối với thị trường tỉnh Thái Nguyên:

- Thực hiện ký hợp đồng đối với các khách hàng cam kết đạt sản lượng năm, giá theo biến động thị trường đảm bảo tiêu thụ hết sản lượng 150.000 tấn/năm.
- Tăng cường bám sát thị trường, quảng bá thương hiệu.

❖ Đối với thị trường tỉnh Bắc Kạn, Cao Bằng, Sơn Dương:

- Thực hiện ký hợp đồng đối với các khách hàng cam kết đạt sản lượng năm, giá theo biến động thị trường.
- Tăng cường bám sát thị trường, quảng bá thương hiệu.
- Tăng cường đưa sản phẩm xi măng Quán Triều vào các công trình xây dựng thông qua các Sở ban ngành tại địa bàn để tăng sản lượng tiêu thụ đảm bảo hoàn thành kế hoạch được giao.

❖ Đối với các thị trường còn lại: Tiếp tục giữ vững thị phần, theo dõi bám sát thị trường, kiểm tra kiểm soát thị trường chặt chẽ.

5.2 Về công tác Tài chính:

Tập trung giải quyết nguồn vốn, tiếp tục mở rộng quan hệ tín dụng với các ngân hàng, đảm bảo nguồn vốn phục vụ cho quá trình sản xuất ổn định của nhà máy, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tăng vòng quay luân chuyển vốn lưu động, không để nợ tồn đọng và thất thoát vốn.

Tăng cường công tác thu hồi công nợ, giữ vững các khách hàng có khả năng thanh toán tiền ngay, đúng hạn. Tuyệt đối không để phát sinh nợ xấu, nợ dây dưa, công nợ khó đòi.

Không để thất thoát tài sản, vật tư, tiền vốn, cố gắng tìm các biện pháp đẩy mạnh tiêu thụ để có nguồn thanh toán công nợ kịp thời, giảm số dư nợ vay vốn lưu động. Thực hiện thanh toán nợ phải trả đối với khách hàng đúng thời hạn quy định, không để nợ quá hạn.

5.3. Về công tác tổ chức lao động:

Chuẩn bị đầy đủ nguồn nhân lực, vật lực để sẵn sàng triển khai các công việc, nhằm đáp ứng tốt những yêu cầu công việc đặt ra. Có kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ, đội ngũ công nhân kỹ thuật, nghiệp vụ. Nâng cao tư duy cán bộ công nhân viên về tính chủ động trong công việc, thực hiện tốt công tác bình công chấm điểm để trả lương xứng đáng với năng lực trình độ chuyên môn. Kiên quyết không sử dụng những người lao động lười biếng, có tay nghề kém, trình độ chuyên môn nghiệp vụ yếu và thiếu trách nhiệm trong công tác sau khi đã trải qua quá trình đào tạo, rèn luyện.

Tiếp tục sắp xếp lại lực lượng lao động, tiến hành đào tạo, bổ nhiệm cán bộ tại các vị trí chủ chốt nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công tác.

Nâng cao ý thức trách nhiệm của người lao động. Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện ăn ở và làm việc cho người lao động để người lao động yên tâm công tác như: bố trí nơi ăn chốn ở, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất nơi làm việc, tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ thể thao trong toàn Công ty, xây dựng đời sống tinh thần cho CBCNV ngày càng được nâng cao. Tăng cường công tác an ninh giữ gìn trật tự trong địa bàn nhà máy, tăng cường sức mạnh đội ngũ bảo vệ của Công ty ngày một lớn mạnh, để đóng góp nhiều hơn nữa trong công tác giữ gìn an ninh trật tự, góp phần hoàn thành mục tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2016.

6. Các rủi ro:

❖ Rủi ro về kinh tế

Hoạt động kinh doanh của Công ty đã, đang và sẽ chịu ảnh hưởng nhất định trước những biến động thay đổi theo chu kỳ của nền kinh tế. Kinh tế càng phát triển, tốc độ tăng trưởng ổn định, sức mua gia tăng sẽ kéo theo nhu cầu đẩy mạnh dòng tiền đầu tư, từ đó tạo động lực phát triển cho toàn nền kinh tế. Ngược lại, khi nền kinh tế gặp khó

khăn, tốc độ tăng trưởng giảm sút cũng sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến các kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư, vô hình chung sẽ tác động ngược lại đến sự lưu chuyển của dòng tiền và từ đó kìm hãm sự phát triển của doanh nghiệp.

• **Rủi ro tăng trưởng và lạm phát**

Việt Nam là nước có nền kinh tế đang trong giai đoạn phát triển. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân trong giai đoạn 2002-2007 duy trì ở mức 7,9%/năm. Tuy nhiên, từ năm 2008 đến nay, cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới nói chung và tình hình lạm phát nói riêng ở Việt Nam đã ở mức báo động.

Trước bối cảnh kinh tế thế giới suy giảm khó lường, Việt Nam đã có chủ trương đúng về tập trung cho mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, bảo đảm tăng trưởng hợp lý. Nhờ các chủ trương đúng đắn này và sự chỉ đạo kiên quyết của lãnh đạo cấp cao, lãnh đạo các ngành, địa phương tình trạng lạm phát được đánh giá đã được kiểm soát, giảm khá tốt từ 23% thời điểm tháng 8/2011 còn 1,84% năm 2014. Mức lạm phát năm 2014 được đánh giá là thấp hơn rất nhiều so với mục tiêu của Quốc hội đặt ra từ đầu năm (7%) và là mức thấp nhất trong 13 năm qua. Đặc biệt, tính từ 1998 trở lại đây, việc CPI giảm ở tháng cuối năm mới chỉ xảy ra ở 2014 và 2008.

Xét về tăng trưởng kinh tế, năm 2014 kết thúc với với tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) ước tính tăng 5,98%. Mức tăng trưởng này cao hơn mục tiêu tăng 5,8% đề ra đầu năm của Quốc hội. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 18,12%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 38,50%; khu vực dịch vụ chiếm 43,38% (cơ cấu tương ứng của năm 2013 là: 18,38%; 38,31% và 43,31%)¹. Bước sang năm 2015, Chính phủ chủ trương tiếp tục thực hiện các chính sách ổn định kinh tế vĩ mô, điều chỉnh giảm lãi suất, đẩy nhanh tiến trình xử lý nợ xấu, đẩy mạnh hoạt động của VAMC – công ty mua, bán nợ nhằm chủ động đưa ra các gói hỗ trợ lãi suất để hỗ trợ các doanh nghiệp. Năm 2016, tăng trưởng kinh tế chưa có sự bứt phá, song vẫn duy trì được mức tăng trưởng khá cao và ổn định, tăng trưởng GDP ước đạt 6,21%.

Nhìn chung, mặc dù các điều kiện về kinh tế trong nước cũng như toàn cầu đã và đang được cải thiện nhưng vẫn chưa phục hồi hoàn toàn sau khủng hoảng, tăng trưởng vẫn còn chậm và tiềm ẩn nhiều nguy cơ bất lợi.

• **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất xảy ra khi doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng vốn vay từ ngân hàng dẫn đến chi phí đi vay tăng ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Trong những năm qua, lãi suất trên thị trường biến động không ngừng với nhiều những chính sách được ban hành như thắt chặt chính sách tiền tệ, áp trần lãi suất, hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Những năm gần đây, lãi suất huy động và cho vay đều ở xu hướng giảm mạnh. Ngân hàng nhà nước (NHNN) đã có nhiều lần điều chỉnh giảm lãi suất, ví dụ như hai lần giảm 1% các lãi suất chủ chốt vào ngày 26/03/2013 và 10/05/2013. Lãi suất huy động cũng liên tục giảm do tín dụng tăng yếu, ngân hàng thừa vốn. Đến cuối năm, lãi suất huy động kỳ hạn ngắn dao động từ 5% - 7%/năm, lãi suất kỳ hạn dài từ 7,1% - 10%/năm đang tạm thời giải quyết áp lực về chi phí sử dụng vốn cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, để tạo điều kiện các doanh nghiệp hoạt động ổn định, lãi suất cho vay cũng cần phải được ổn định lâu dài như hiện nay.

Việc đẩy mạnh sử dụng công cụ đòn bẩy tài chính có thể làm tăng quy mô hoạt động, nhưng Công ty cũng cần có các biện pháp nhất định để kiểm chế sự ảnh hưởng của sự biến động lãi suất.

❖ **Rủi ro về pháp luật**

Là một công ty cổ phần do vậy hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp và khi đó sẽ ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường.

Thời gian qua, hệ thống luật và văn bản dưới luật đang trong quá trình hoàn thiện theo hướng tích cực và thuận lợi cho doanh nghiệp, giúp cho Công ty có hướng đi đúng và lành mạnh trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Có thể kể đến một số thay đổi đáng kể như sự ra đời của Luật Doanh Nghiệp 2014 hay việc cắt giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp từ 25% xuống còn 22% và 20%, ... Những thay đổi này một mặt tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển lâu dài của Công ty, mặt khác cũng đặt ra các yêu cầu nhằm bảo đảm việc theo sát và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành song song với việc triển khai và mở rộng các hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả.

❖ **Rủi ro đặc thù**

Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI là công ty hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực sản xuất và tiêu thụ sản phẩm than, xi măng. Bên cạnh đó, do Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- CTCP vừa là cổ đông lớn (nắm giữ 84,91% vốn điều lệ), vừa là nhà cung cấp của Công ty, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng bị ảnh hưởng từ kết quả hoạt động của ngành than. Như vậy, Công ty phải chịu thêm những rủi ro đặc thù của ngành than như rủi ro biến động giá cả, rủi ro về sự thay đổi theo hướng bất lợi của thời tiết,...

❖ **Rủi ro biến động giá trên thị trường chứng khoán**

Khi được chấp thuận đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá cổ phiếu của Công ty sẽ là một phần cấu tạo nên và do đó chịu ảnh hưởng của sự biến

động chung của thị trường chứng khoán Việt Nam, và rộng hơn là tình hình chung của thị trường chứng khoán thế giới.

Trong ngắn hạn, giá cả của cổ phiếu ít chịu ảnh hưởng của các biến số như tình trạng nền kinh tế hay doanh thu của công ty mà sẽ được quyết định bởi quy luật cung - cầu, tâm lý của nhà đầu tư và thậm chí cả những yếu tố phi kinh tế khác. Đây là những biến số ngẫu nhiên, thiếu tính ổn định và khó có thể dự đoán trước, qua đó, chúng làm gia tăng rủi ro biến động giá cho nhà đầu tư.

❖ Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, biến động lãi suất, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch... làm giảm lợi nhuận của Công ty hoặc làm cho các khách hàng truyền thống có thể bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Doanh thu thuần năm 2016 đạt: 548.197.698.251 đồng, duy trì ổn định và chỉ giảm 3% so với cùng kỳ năm trước, trong khi đó giá vốn hàng bán năm 2016 giảm xấp xỉ 5% so với năm 2015. Cùng với đó, năm 2016 chi phí tài chính của Công ty cũng đã giảm đáng kể, từ 72,49 tỷ đồng xuống còn 68,28 tỷ đồng. Đặc biệt, lợi nhuận sau thuế năm 2016 của Công ty đã có sự tăng trưởng mạnh, đạt 89,53% so với cùng kỳ năm ngoái. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến kết quả kinh doanh năm 2016 có sự tăng trưởng vượt bậc do trong năm 2016, giá bán sản phẩm đầu ra tăng trưởng so với kế hoạch và các chi phí đầu vào được kiểm soát một cách tối đa.

Về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 so với kế hoạch đã đặt ra:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2016 ĐC	Thực hiện năm 2016	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5	6=5/4
A	Chỉ tiêu	Đồng	19,229,394,284	20,296,102,888	105.55
I	Nộp ngân sách nhà nước	Đồng	19,229,394,284	20,296,102,888	105.55
	Thuế GTGT	"	19,203,394,284	20,274,301,883	105.58
	Thuế đất	"	10,000,000	5,183,690	51.84
	Thuế tài nguyên	"	13,000,000	13,617,315	104.75
	Thuế môn bài	"	3,000,000	3,000,000	100.00
II	Chỉ tiêu công nghệ	Đồng	0		
	- Mác Clinker bình quân	N/mm2	48,5	50.0	

	- Tiêu hao nhiệt	kcal/kgCLK	677.0	645.3	95.32
	- Độ ẩm phụ gia	%	<4	<5	
	- Tỷ lệ phụ gia				
	+ Xi măng PCB 30	%	27.50	28.00	101.82
	+ Xi măng PCB 40	%	13.00	18.10	139.23
B	Chỉ tiêu giao khoán	"			
I	Tổng doanh thu	đồng	545,991,744,782	548,256,615,811	100.41
	- Doanh thu xi măng, Clinker	đồng	545,991,744,782	542,662,104,060	99.39
	- Doanh thu khác	"	2,978,252,600	5,594,511,751	
II	Doanh thu thuần	Đồng	545,991,744,782	548,256,615,811	100.41
III	Chi phí biến đổi	đồng	384,413,193,507	381,927,068,981	99.35
	Nguyên vật liệu	"	131,615,871,304	130,866,384,390	99.43
	Nhiên liệu	"	104,576,090,118	102,040,316,844	97.58
	Động lực	"	94,465,145,877	91,357,351,288	96.71
	Tiền lương	"	28,656,000,000	29,957,215,682	104.54
	BHXH, Y tế, KP CĐ	"	3,659,362,423	3,867,954,605	105.70
	Chi khác (Chưa bao gồm lãi vay)	"	20,747,264,246	20,909,732,241	100.78
	Chi phí thuê ngoài	"	2,553,430,398	2,928,113,930	114.67
	Tiết kiệm chi phí	"	-1,859,970,859		0.00
IV	Lãi hoạt động	đồng	161,578,551,275	166,329,546,830	102.94
	- Sản xuất xi măng, clinker	"	161,578,551,275	166,329,546,830	102.94
	- Sản xuất khác	"	0	0	
V	Chi phí cố định	đồng	81,923,536,925	78,998,359,310	96.43
1	Sản xuất kinh doanh	"	81,923,536,925	78,998,359,310	96.43
	Khấu hao tài sản	"	81,910,536,925	78,976,558,305	96.42
	Thuế sử dụng đất	"	10,000,000	18,801,005	188.01
	Thuế môn bài	"	3,000,000	3,000,000	100.00
VI	Kinh doanh khác	"	4,371,238,053	7,034,081,014	
VII	Lợi nhuận từ HĐSXKD	đồng	78,262,028,897	80,297,106,506	102.60
	- Sản xuất xi măng, clinker	"	79,655,014,350	81,736,675,769	102.61
	- Sản xuất khác	"	-1,392,985,453	-1,439,569,263	
VIII	Lợi tức từ HĐ tài chính	đồng	-66,262,028,897	-67,198,697,211	101.41
1	Thu nhập hoạt động tài chính	"	1,084,544,103	1,086,212,440	
2	Chi phí hoạt động tài chính	đồng	-67,346,573,000	-68,284,909,651	101.39

	Trả lãi vay lưu động	"	-9,763,339,764	-7,616,927,419	78.02
	Trả lãi vay vốn cố định thiếu nguồn	"	-57,583,233,236	-58,825,311,370	102.16
	Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm		0	-1,842,670,862	
IX	Tổng lợi nhuận	Đồng	12,000,000,000	13,098,409,295	109.15
C	Chỉ tiêu hiện vật				
I	Sản xuất và tiêu thụ xi măng	Tấn	710,000	696,388	98.08
	+Xi măng bao PCB 30	"	122,800	128,604	104.73
	+Xi măng bao PCB 40	"	222,500	221,896	99.73
	+Xi măng bao PCB 40 (Gạch không nung)		51,500	52,783	102.49
	+Xi măng bột PCB 30	"	3,000	0	0.00
	+Xi măng bột PCB 40	"	117,000	109,361	93.47
	+Clinker	"	193,200	183,744	95.11
II	Lao động và thu nhập				
	- Lao động bình quân	Người	405	398	98.27
	- Tiền lương bình quân	đ/ng/th	6,000,000	6,272,449	104.54
	- Tiền ăn ca	đ/xuất	20,000	18,000	90.00

2. Tổ chức và nhân sự:

- Tóm tắt lý lịch cá nhân trong ban điều hành:

1.1. Giám đốc Công ty

+ Họ và tên: **Nguyễn Mạnh Danh**

+ Giới tính: Nam

+ Ngày tháng năm sinh: 20/10/1970

+ Địa chỉ thường trú: Phường Hoàng Liệt- Quận Hoàng Mai- Hà Nội.

+ Quốc tịch: Việt Nam

+ Dân tộc: Kinh

+ Số cổ phần nắm giữ ngày 28/02/2017: 13.800 cổ phần.

1.2. Phó Giám đốc

+ Họ và tên : **Văn Trọng Tuấn**

+ Giới tính : Nam

+ Ngày tháng năm sinh : 11/10/1976

+ Quê quán : Yên Lãng – Đại Từ- Thái Nguyên

- + Địa chỉ thường trú: Tổ 18 phường Quang Trung- TP Thái Nguyên.
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Dân tộc : Kinh
- + Trình độ văn hoá : 12/12
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư tự động hóa cung cấp điện
- + Số cổ phần nắm giữ ngày 28/02/2017: 0 cổ phần

1.3. Phó Giám đốc

- + Họ và tên : **Nguyễn Sóng Gió**
- + Giới tính: Nam
- + Ngày tháng năm sinh :07/01/1968
- + Quê quán: xã Sơn Cẩm- Phú Lương
- + Địa chỉ thường trú: xã Sơn Cẩm- Phú Lương
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Dân tộc : Kinh
- + Trình độ văn hoá : 12/12
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
- + Số cổ phần nắm giữ ngày 28/02/2017: 4.000 cổ phần

1.4. Phó Giám đốc

- + Họ và tên : **Đỗ Ngọc Huy**
- + Giới tính: Nam
- + Ngày tháng năm sinh :19/04/1979
- + Quê quán: Xã Xuân Hòa, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa
- + Địa chỉ thường trú: Tổ 17 Phường Tích Lương – Tp Thái Nguyên
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Dân tộc : Kinh
- + Trình độ văn hoá : 12/12
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư vật liệu SILICAT
- + Số cổ phần nắm giữ ngày 28/02/2017: 0 cổ phần

1.5. *Kế toán trưởng*

- + Họ và tên : **Nguyễn Mạnh Thắng**
- + Giới tính : Nam
- + Ngày tháng năm sinh : 10/1963
- + Quê quán : Xã Lam Cốt- Huyện Tân Yên- Tỉnh Bắc Giang
- + Địa chỉ thường trú: Phố Quán Vuông 4- Xã Trung Hội -Huyện Định Hóa – Thái Nguyên
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Dân tộc : Kinh
- + Trình độ văn hoá : 12/12
- + Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- + Số cổ phần nắm giữ ngày 28/02/2017: 3.500 cổ phần.
- Những thay đổi trong Ban điều hành trong năm: Không có
- Số lượng cán bộ nhân viên : Tổng số lao động trong Công ty đến ngày 31/12/2016 là 390 người. Trong đó:
 - + Cán bộ quản lý (từ Đốc công trở lên): 37 người
 - + Cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ: 11 người
 - + Nhân viên hành chính, kỹ thuật, nghiệp vụ: 20 người
 - + Công nhân lao động: 322 người
- Chính sách đối với người lao động:
 - + Các cán bộ nhân viên của Công ty được đào tạo đầy đủ, Công ty thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho công nhân, thợ vận hành, tổ chức các hội thi tay nghề, nghiệp vụ nhằm khuyến khích động viên tinh thần học tập nâng cao tay nghề cho cán bộ nhân viên.
 - + Có chính sách thu hút nhân tài, tuyển dụng công khai minh bạch, xây dựng chế độ lương thưởng thích đáng đối với đội ngũ cán bộ giỏi, công nhân kỹ thuật có trình độ cao và có những đóng góp tích cực trong sản xuất kinh doanh, trả lương thu hút đối với những cán bộ công nhân viên có trình độ, năng lực nhằm thúc đẩy người lao động tăng năng suất lao động và đảm bảo các quyền lợi theo đúng năng lực cá nhân.
 - + Công ty có các chính sách quan tâm, đãi ngộ thỏa đáng nhằm khuyến khích động viên người lao động như: Hàng năm người lao động được nghỉ phép theo tiêu chuẩn và được cộng thêm ngày nghỉ thâm niên theo quy định của Bộ Luật

lao động. Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động (2 năm/lần). Trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động luôn được Công ty thực hiện tốt. Tổ chức điều dưỡng luân phiên, phục hồi chức năng cho người lao động,... để tạo sự gắn kết giữa người lao động với Công ty. Cụ thể Công ty đã xây dựng cơ chế mua bảo hiểm nhân thọ cho các cán bộ công nhân viên là những người có trình độ tâm huyết với Công ty và hàng năm có sự bình xét để có thêm các cá nhân xuất sắc, khích lệ tinh thần trách nhiệm với công việc của các cán bộ nhân viên trong toàn Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

- a) Các khoản đầu tư lớn: Không có
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính:

- a) Tình hình tài chính
 - Các chỉ tiêu chính

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.123.351.737.524	1.206.246.594.343	-6,87%
Doanh thu thuần	548.197.698.251	565.349.286.158	-3,03%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	13.110.309.338	6.936.180.014	89,10%
Lợi nhuận khác	(11.900.042)	(25.322.193)	-
Lợi nhuận trước thuế	13.098.409.296	6.910.857.821	89,53%
Lợi nhuận sau thuế	13.098.409.296	6.910.857.821	89,53%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

- Giá trị sổ sách của công ty thời điểm 31/12/2016:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015
TÀI SẢN		
A.Tài sản ngắn hạn	101.089.224.510	104.930.417.029
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	6.972.729.140	9.143.947.410

2.Các khoản phải thu ngắn hạn	38.126.126.350	44.908.184.011
3.Hàng tồn kho	50.905.972.231	45.450.767.473
4.Tài sản ngắn hạn khác	5.084.396.789	5.427.518.135
B.Tài sản dài hạn	1.022.262.513.014	1.101.316.177.314
Tổng cộng tài sản	1.123.351.737.524	1.206.246.594.343
NGUỒN VỐN		
A.Nợ phải trả	983.623.093.608	1.079.616.359.723
1.Nợ ngắn hạn	373.957.876.320	540.489.901.135
2.Nợ dài hạn	609.665.217.288	539.126.458.588
B.Vốn chủ sở hữu	139.728.643.916	126.630.234.620
1.Vốn đầu tư của chủ sở hữu	250.000.000.000	250.000.000.000
2.Thặng dư vốn cổ phần		
3.Quỹ đầu tư phát triển		
4.Quỹ dự phòng tài chính		
5.Lợi nhuận chưa phân phối	(110.271.356.084)	(123.369.765.380)
Tổng cộng nguồn vốn	1.123.351.737.524	1.206.246.594.343

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2015
<u>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</u>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,27	0,19
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,13	0,11
<u>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)</u>			
Nợ/Tổng tài sản	%	87,56	89,50
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	703,95	852,57
<u>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</u>			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	9,08	10,09
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,47	0,45
<u>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</u>			

Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,40	1,22
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	9,84	5,61
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,12	0,55
Lợi nhuận SXKD/Doanh thu thuần	%	2,39	1,23

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 25.000.000 cổ phần
- Loại cổ: cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 25.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần
- Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài: Không có

b) Cơ cấu cổ đông:

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I. Cổ đông trong nước	625	25.000.000	100
* Cá nhân	623	3.706.986	14,83
* Tổ chức	2	21.293.014	85,17
II. Cổ đông nước ngoài	0	0	0
* Cá nhân	0	0	0
* Tổ chức	0	0	0
III. Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Tổng	625	25.000.000	

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- a. Nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất kinh doanh

STT	Các yếu tố	DVT	Định mức			Khối lượng SP			Nhu cầu vật tư		
			KH	TH	CL	KH	TH	CL	KH	TH	CL
A	B	C	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4	7	8	9=8-7
1	NGUYỄN VĂN LIỆU					710,000	696,388	13,612			
a	VẬT LIỆU					710,000	696,388	13,612			
1	Đá vôi	Tấn				710,000	696,388	13,612	810,399	791,658	-18,741
	- Xi măng PCB30	Tấn/TSP	0.9652	0.9570	0.0082	125,800	128,604	2,804	121,423	123,074	1,651
	- Xi măng PCB40	Tấn/TSP	1.0884	1.0870	0.0014	391,000	384,040	-6,960	425,576	417,451	-8,125
	- Clinker bán	Tấn/TSP	1.3634	1.3668	0.0034	193,200	183,744	-9,456	263,399	251,132	-12,267
2	Đất sét	Tấn				710,000	696,388	13,612	82,579	91,939	9,360
	- Xi măng PCB30	Tấn/TSP	0.0947	0.1110	0.0163	125,800	128,604	2,804	11,910	14,275	2,365
	- Xi măng PCB40	Tấn/TSP	0.1092	0.1260	0.0168	391,000	384,040	-6,960	42,701	48,389	5,688
	- Clinker bán	Tấn/TSP	0.1448	0.1593	0.0146	193,200	183,744	-9,456	27,968	29,275	1,307
3	Đá cao si lich	Tấn				710,000	696,388	13,612	27,062	13,912	
	- Xi măng PCB30	Tấn/TSP	0.0356	0.0170	0.0186	125,800	128,604	2,804	4,479	2,186	-2,293
	- Xi măng PCB40	Tấn/TSP	0.0378	0.0190	0.0188	391,000	384,040	-6,960	14,763	7,297	-7,466
	- Clinker bán	Tấn/TSP	0.0405	0.0241	0.0164	193,200	183,744	-9,456	7,820	4,429	-3,391
4	Quặng sắt	Tấn				710,000	696,388	13,612	15,492	13,901	
	- Xi măng PCB30	Tấn/TSP	0.0188	0.0170	0.0018	125,800	128,604	2,804	2,363	2,186	-177
	- Xi măng PCB40	Tấn/TSP	0.0209	0.0190	0.0019	391,000	384,040	-6,960	8,161	7,297	-864
	- Clinker bán	Tấn/TSP	0.0257	0.0240	0.0017	193,200	183,744	-9,456	4,967	4,418	-549
5	Thạch cao	Tấn				516,800	512,644	-4,156	13,232	13,072	
	- Xi măng PCB30	Tấn/TSP	0.0236	0.0240	0.0004	125,800	128,604	2,804	2,964	3,086	123
	- Xi măng PCB40	Tấn/TSP	0.0263	0.0260	0.0003	391,000	384,040	-6,960	10,268	9,985	-283
6	Phụ gia cho sản xuất xi măng	Tấn				516,800	512,644	-4,156	108,215	105,520	
	- Xi măng PCB30	Tấn/TSP	0.2844	0.2800	0.0044	125,800	128,604	2,804	35,773	36,009	236
	- Xi măng PCB40	Tấn/TSP	0.1853	0.1810	0.0043	391,000	384,040	-6,960	72,442	69,511	-2,931
7	Phụ gia trợ nghiền	Tấn				391,000	384,040	-6,960	163	161	
	- Xi măng PCB30	Tấn/TSP				0					
	- Xi măng PCB40	Tấn/TSP	0.00042	0.00042	0.0000	391,000	384,040	-6,960	163.00	161.03	-2
8	Vỏ bao	Vỏ/TSP				396,800	403,282		7,975,680	8,093,049	
	- Xi măng PCB30	"	20.10	20.05	0.0473	122,800	128,604	5,804	2,468,280	2,578,860	110,580
	- Xi măng PCB40	"	20.10	20.08	0.0249	274,000	274,678	678	5,507,400	5,514,189	6,789
9	Vật tư hoá nghiệm	d/Tsp	206	271	64.9	710,000	696,388	13,612			
	- Cho sản xuất xi măng	"	209	271	61.3	516,800	512,644	-4,156			

	- Cho sản xuất clinker bán	"	196	271	74.7	193,200	183,744	-9,456			
10	Vật tư, dụng cụ khác	d/Tsp	843	717	-125.5	710,000	696,388	13,612			
	- Cho sản xuất xi măng	"	842	717	-124.4	516,800	512,644	-4,156			
	- Cho sản xuất clinker bán	"	846	717	-128.4	193,200	183,744	-9,456			
b	DẦU MỖ PHỤ					710,000	696,388	13,612			
1	Dầu phụ cho TB Sản xuất	Lít/TSP	0.0604	0.06400	0.0036	710,000	696,388	13,612	42,863	44,566	1,703
	- Xi măng PCB30	"	0.0616	0.0640	0.0024	125,800	128,604	2,804	7,751	8,230	479
	- Xi măng PCB40	"	0.0607	0.0640	0.0033	391,000	384,040	-6,960	23,747	24,577	829
	- Clinker bán	"	0.0588	0.0640	0.0052	193,200	183,744	-9,456	11,364	11,759	395
2	Dầu cho máy nén khí	"	0.00171	0.00157	0.0001	710,000	696,388	13,612	1,215	1,092	-123
3	Mỡ phụ cho TB sản xuất	Kg/TSP	0.0050	0.00322	0.0018	710,000	696,388	13,612	2,723	2,241	-482
	- Xi măng PCB30	"	0.0055	0.0032	0.0023	125,800	128,604	2,804	695	414	-282
	- Xi măng PCB40	"	0.0052	0.0032	0.0020	391,000	384,040	-6,960	2,027	1,236	-791
	- Clinker bán	"	0.0044	0.0032	0.0012	193,200	183,744	-9,456	858	591	-267
4	Mỡ cho bôi trơn bánh răng Lỗ(KG 10 HMF)	Kg/TSP	0.0004	0.00029	0.0001	590,606	578,801	11,805	247	165	-82
5	Mỡ cho máy cán ép (STABYL HD)	Kg/TSP	0.0007	0.00056	0.0001	516,800	512,644	-4,156	364	288	-76

b. Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm:
 Không

6.2 Tiêu thụ năng lượng

- a. Tổng số năng lượng tiêu thụ trực tiếp: 71.137.898 kw/h/năm 2016
- b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có
- c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không có

6.3 Tiêu thụ nước:

- a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Lượng nước sử dụng là 299.115 m³/năm 2016
- b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

6.4 Bảo vệ môi trường:

- a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có
- b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2016: 390 người
- Mức lương bình quân của người lao động năm 2016: 6.416.086 đồng/người/tháng

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty đặc biệt chú trọng đến công tác An toàn vệ sinh lao động – Phòng chống cháy nổ trong đơn vị, nâng cao ý thức tự giác của người lao động thực hiện tốt việc sử dụng đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động cá nhân theo đúng quy định, tuyên truyền, vận động người lao động tự bảo vệ mình, bảo vệ đồng đội.

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số lớp đào tạo trung bình trong năm 2016 là 15 lớp với 43 lượt CBCNV
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Công ty đã có các chương trình đào tạo nhằm phát triển kỹ năng cho người lao động.

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Các hoạt động đối với cộng đồng: Luôn đảm bảo khi địa phương có yêu cầu đóng góp.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tổng quan hoạt động kinh doanh năm 2016:

Năm 2016, kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng ở mức thấp trong vòng 5 năm liên tiếp (dưới mức 3,7% của năm 2010). IMF ước tính năm 2016 tăng trưởng ở mức 3,1% (thấp hơn 0,1 điểm phần trăm so với năm 2015). Nguyên nhân chủ yếu là do năng suất lao động chậm cải thiện tại các nước phát triển, tăng trưởng thương mại toàn cầu thấp hơn dự kiến, giá cả hàng hóa cơ bản tiếp tục giảm khá mạnh và những tác động tiêu cực từ Brexit. Trong khi đó, các chính sách nới lỏng tiền tệ (lãi suất thấp hoặc âm, các gói nới lỏng định lượng và định tính...) tại hầu hết các nước không mấy hiệu quả đối với tăng trưởng và lạm phát.

Trước bối cảnh phục hồi kinh tế thế giới còn nhiều khó khăn, kinh tế Việt Nam đạt được một số thành quả đáng ghi nhận bên cạnh một số khó khăn, thách thức như:

Tăng trưởng kinh tế ước tăng 6,21% thấp hơn so với kế hoạch (6,7%); Ổn định kinh tế vĩ mô tiếp tục được duy trì: (i) lạm phát năm 2016 ước trong khoảng

4,75%-4,9% chủ yếu do giá dịch vụ công được chủ động điều chỉnh; trong đó lạm phát cơ bản ổn định ở mức dưới 2%; (ii) Niềm tin nhà đầu tư nước ngoài ngày càng được củng cố vào ổn định vĩ mô; (iii) Tỷ giá và thị trường ngoại hối ổn định; (iv) Cán cân thanh toán quốc tế (CCTTQT) đảo chiều; Bội chi NSNN đạt thấp hơn so với năm 2015, chi NSNN cũng tăng thấp hơn ở mức 2,7% so với thực hiện năm 2015; Xếp hạng môi trường kinh doanh năm 2016 của Việt Nam tăng 9 bậc (theo WB). Điều này đã tạo điều kiện cho khu vực doanh nghiệp tiếp tục phát triển với số lượng đăng ký và vốn đăng ký tăng nhanh.

Về phía Công ty, năm 2016, Công ty cũng gặp nhiều khó khăn về thị trường do nằm trong vùng mật độ có nhà máy xi măng nhiều nhất cả nước, cùng với đó là sự cạnh tranh gay gắt từ các đơn vị trong ngành, tuy nhiên với sự nỗ lực của Ban điều hành, sự đoàn kết của tập thể người lao động, Công ty đã xuất sắc hoàn thành kế hoạch đặt ra cho năm 2016.

Kết quả Công ty đã đạt được như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015
1	Doanh thu BH và CCDV	548.197.698.251	565.349.286.158
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3	Doanh thu thuần về BH và CCDV	548.197.698.251	565.349.286.158
4	Giá vốn hàng bán	437.793.760.537	459.635.179.544
5	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	110.403.937.714	105.714.106.614
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1.086.212.440	21.867.828
7	Chi phí tài chính	68.284.909.651	72.496.358.111
8	Chi phí bán hàng	8.497.934.244	7.513.224.392
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	21.596.996.921	18.790.211.925
10	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	13.110.309.338	6.936.180.014
11	Thu nhập khác	58.917.560	137.136.316
12	Chi phí khác	70.817.602	162.458.509
13	Lợi nhuận khác	(11.900.042)	(25.322.193)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.098.409.296	6.910.857.821

Chỉ tiêu doanh thu bán hàng và lợi nhuận sau thuế năm 2016 đạt các chỉ tiêu lần lượt là 100,41% và 109,15% so với kế hoạch đặt ra. Các nguyên nhân ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh năm 2016 như sau:

Lợi nhuận tăng (+)/giảm (-) so với kế hoạch:	Đơn vị	1 328
* Nguyên nhân làm giảm lãi :	Tr. đồng	6 042
- Chi phí Nguyên vật liệu (Vật liệu, PTTT, DMP. Sửa chữa TX)		98
- Chi phí hoạt động khác(Trích lập DP, nhượng bán vật tư, điện....)		1 440
- CP tài chính (lãi lưu động, cố định)		2 230
- Chi phí thuê ngoài		424
- Tiền lương trích vào giá thành		1 851
- Chi phí khác		
* Nguyên nhân làm tăng lãi	Tr.đồng	7 371
- Giá bán tăng so với giá bán kế hoạch		2 835
- Nhiên liệu (<i>Than giảm 577 tr , dầu diezen , xăng tăng 150 trđ</i>)		408
- Chi phí Động lực (<i>giảm do mức 1.398 trđ, do giá 192 trđ</i>)		1 596
- Thu nhập từ hoạt động tài chính		1 086
- Khấu hao TSCĐ		645
- Chi phí khác		801
Chênh lệch		1 329

- *Những tiến bộ đã đạt được:*

Đứng trước những thách thức và biến động của thị trường, Hội đồng quản trị và ban lãnh đạo Công ty đã nỗ lực tối đa để bám sát tình hình thị trường nhằm kịp thời đưa ra những quyết sách điều chỉnh cho phù hợp, đảm bảo gia tăng hiệu quả và giảm thiệt hại tối đa cho Công ty.

Trong công tác điều hành Công ty luôn củng cố, duy trì thường xuyên phân tích giá thành theo tháng để từ đó có các biện pháp giảm chi phí đầu vào và hạ giá thành sản phẩm. Ban lãnh đạo Công ty luôn duy trì các cuộc họp thường xuyên và định kỳ để kiểm điểm đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Năm 2016, Ban điều hành Công ty tiếp tục phối hợp chặt chẽ với tổ chức công đoàn và các tổ chức đoàn thể, triển khai nhiệm vụ kế hoạch và phát động thi đua tới từng phòng ban, phân xưởng, tổ đội sản xuất, sự đoàn kết vượt qua khó khăn phấn đấu trong lao động sản xuất của đội ngũ người lao động đã tạo nên không khí thi đua, thúc đẩy công việc được giao và kết quả được thể hiện như sau:

+ Về thị trường:

- Thường xuyên bám sát những biến động của thị trường, giá cả, phân tích khách hàng, đánh giá các đối tượng cạnh tranh để đưa ra giải pháp thích hợp nhằm tăng sản lượng xi măng bán cho thị trường có giá bán cao;
- Phối hợp chặt chẽ với các nhà máy xi măng trong và ngoài hệ thống của VINACOMIN để kiểm soát chặt thị trường, giá bán theo đúng chỉ đạo, điều hành thị trường của Công ty mẹ nên đã hạn chế được tình trạng các sản phẩm xi măng của các công ty trong cùng hệ thống cạnh tranh nhau giá bán trên cùng một thị trường. Một số địa bàn như Thái Nguyên, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Cao Bằng là thị trường chủ đạo của Công ty trong những năm qua luôn được Công ty duy trì ổn định về sản lượng và tăng giá bán đáng kể.
- Thị trường xuất khẩu clinker tương đối ổn định mặc dù tiêu thụ Clinker mang lại lợi nhuận không cao nhưng đã giúp duy trì ổn định sản xuất, tạo việc làm đều cho người lao động.
- Công ty đã tổ chức tốt mạng lưới tiếp thị, phân công chi tiết các khu vực quản lý, nắm bắt tình hình thị trường cũng như khả năng thanh toán của khách hàng để có biện pháp bán hàng và thu hồi công nợ kịp thời, hàng tháng thực hiện đầy đủ việc đối chiếu công nợ và luôn đôn đốc thu hồi công nợ.

+ Công tác kỹ thuật công nghệ, cơ điện và điều hành sản xuất:

Công tác kỹ thuật đã có nhiều cố gắng trong việc kiểm soát chất lượng sản phẩm đầu ra với chất lượng xi măng xuất kho luôn đạt 100% theo tiêu chuẩn Việt nam. Quy hoạch tốt công tác tiếp nhận nguyên liệu, cải tiến công tác kiểm tra, kiểm soát điều chỉnh phối liệu hợp lý, nâng cao chất lượng clinker sản xuất, duy trì tỷ lệ phụ gia xi trong xi măng đạt kế hoạch giao nên năm 2016, Công ty đã tiết giảm được chi phí giá thành so với năm 2015.

Công tác điều độ sản xuất được thực hiện nhịp nhàng, tháo gỡ kịp thời những vướng mắc trong sản xuất, duy trì hai dây chuyền sản xuất hoạt động liên tục ổn định. Khâu điều độ quy hoạch kho bãi nguyên vật liệu tận dụng điều kiện kho bãi linh hoạt nên đã bảo quản tốt nguyên vật liệu, tiết kiệm chi phí vận chuyển.

Công tác cơ điện đã quan tâm quản lý tốt hồ sơ thiết bị, quy trình vận hành, quy trình an toàn cho thiết bị lập biện pháp và tổ chức sửa chữa khắc phục sự cố thiết bị dây chuyền đảm bảo chất lượng, tiến độ và an toàn. Tổ chức bảo dưỡng định kỳ thiết bị dây chuyền sản xuất theo kế hoạch để duy trì tình trạng kỹ thuật phòng ngừa sự cố để tăng thời gian huy động của thiết bị.

+ Công tác kế hoạch khoán, quản:

- Công tác kế hoạch đã bám sát mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty để triển khai xây dựng và đề xuất lãnh đạo Công ty giao nhiệm vụ kế hoạch sản xuất, tiêu thụ hàng tuần, tháng, quý tới từng đơn vị sản xuất sát với nhiệm vụ, năng lực thiết bị được giao, đồng thời tổ chức nghiệm thu, phân tích, kiểm điểm và đề xuất các biện pháp để tổ chức và chỉ đạo sản xuất kịp thời;
- Công tác vật tư đã quản lý, cung ứng vật tư năm 2016 đúng, đủ, kịp thời phục vụ cho sửa chữa, thay thế vật tư. Thủ tục mua bán vật tư thực hiện theo đúng quy chế quản lý vật tư của Công ty, Công ty mẹ và Vinacomin. Vật tư mua đảm bảo yêu cầu của sản xuất.

+ Công tác quản lý kế toán, tài chính:

Hoạt động kế toán tài chính của Công ty đã thực hiện tốt chức năng tổ chức công tác hạch toán các nghiệp vụ phát sinh tại Công ty. Phục vụ kịp thời các yêu cầu về vốn của các bộ phận theo đúng chế độ quy định. Làm tốt công tác tham mưu cho Giám đốc trong hoạt động tài chính, góp phần điều tiết và sử dụng đồng vốn của Công ty một cách an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, nộp BHXH, y tế, thất nghiệp cho người lao động đầy đủ và đúng quy định. Thực hiện tốt các khoản thu, chi theo đúng chế độ, đơn đốc các bộ phận chấp hành các quy định về kế toán tài chính.

+ Công tác tổ chức nhân sự và Lao động tiền lương:

Công tác tiền lương đã tổ chức quản lý và phân phối tiền lương, tiền công cho người lao động an toàn, thỏa đáng, đúng nguyên tắc; kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ không có vi phạm trong phân phối thu nhập đối với người lao động. Giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội, y tế, kinh phí công đoàn cho người lao động trong Công ty đầy đủ, đúng pháp luật. Công tác khen thưởng, kỷ luật thực hiện tốt theo đúng các quy định của Công ty.

+ Các phân xưởng sản xuất:

Các phân xưởng nhìn chung đã chủ động trong công việc dựa trên kế hoạch được giao và các chỉ tiêu đã giao khoán, đã phát huy tính tự chủ, sáng tạo trong sản xuất, phối hợp nhịp nhàng thực hiện nhiệm vụ được giao.

+ Khối phục vụ:

Đã giúp việc cho lãnh đạo Công ty chăm sóc sức khỏe và khám chữa bệnh cho người lao động. Quan tâm cải tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch đẹp, chú trọng xây dựng khu tập thể xóm thợ cho người lao động trở thành khu văn hóa.

+ Công tác an toàn, bảo hộ lao động:

Công tác an toàn, bảo hộ lao động luôn được lãnh đạo Công ty quan tâm chỉ đạo sâu sát và thường xuyên. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát những công việc, những nơi có nhiều nguy cơ gây ra tai nạn lao động, đề xuất được nhiều biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

Tình hình tài sản tại thời điểm 31/12/2016:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016 (VNĐ)
I	Tài sản ngắn hạn	101.089.224.510
II	Tài sản dài hạn	1.022.262.513.014
	Tổng cộng	1.123.351.737.524

Tình hình công nợ phải thu đến 31/12/2016:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016 (VNĐ)
1	Phải thu ngắn hạn khách hàng	46.773.911.652
2	Trả trước cho người bán	160.445.100
3	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	496.133.813
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(9.304.364.215)
	Tổng cộng	38.126.126.350

Cơ cấu tài sản của Công ty trong năm qua đã dần dần phát huy được năng suất, hiệu quả của việc đầu tư, tuy nhiên do đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nên tài sản cố định vẫn còn chiếm tỷ trọng lớn.

Về các khoản nợ phải thu, đến thời điểm 31/12/2016, tồn tại một số khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi với giá trị 9,3 tỷ đồng và đã được Công ty trích lập dự phòng.

b) Tình hình nợ phải trả:

Dư nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2016:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016 (VNĐ)
I	Nợ ngắn hạn	373.957.876.320

II	Nợ dài hạn	609.665.217.288
	Tổng cộng	983.623.093.608

Công nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2016:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016 (VNĐ)
1	Phải trả người bán ngắn hạn	121.202.156.970
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	361.359.100
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31.067.595.664
4	Phải trả người lao động	5.823.089.643
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	2.252.868.243
6	Phải trả ngắn hạn khác	1.892.019.000
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	211.358.787.700
	Tổng cộng	373.957.876.320

Dư nợ các khoản phải trả của Công ty đang ở mức khá lớn, bằng 87,56% tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2016. Trong đó, khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng nợ phải trả (chiếm 61,98%). Bên cạnh đó, khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn cũng chiếm tỷ trọng lớn, 21,49%. Công ty sử dụng các khoản vay này để tài trợ cho tài sản cố định là Nhà máy xi măng Quán Triều, số dư khoản vay dài hạn đến thời điểm 31/12/2016 là 609 tỷ đồng.

Công ty không có các khoản nợ phải trả xấu, các khoản nợ phải trả đều được kiểm soát và thanh toán đầy đủ, đúng hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Năm 2016, Công ty đã áp dụng trả lương cho người lao động quản lý, phục vụ gắn liền với hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Triển khai thực hiện các Quy chế đã ban hành trong năm 2015 như cơ chế trả lương cho các phân xưởng vận hành khi dễ xảy ra sự cố thiết bị hoặc sự cố công nghệ; Quy chế quản lý công nợ; Quy chế quản lý lao động, tiền lương, thu hút lao động,...

Tiếp tục rà soát để quản lý chặt chẽ hơn các định mức tiêu hao vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng và các chi phí khác nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Duy trì sản xuất ổn định, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm; tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường quản trị chi phí với mô hình phù hợp; tiết kiệm chi phí, nâng cao thời gian huy động, nâng suất thiết bị, hiệu quả, sức cạnh tranh sản phẩm đảm bảo tăng trưởng hợp lý, bền vững;
 - Tiếp tục công tác mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, bám sát những diễn biến của thị trường để điều chỉnh chính sách kịp thời, phù hợp, giữ vững thị trường truyền thống nhất là thị trường tiêu thụ trong tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh lân cận;
 - Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, công nghệ mới nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tiết kiệm nhiên liệu, điện năng nhằm giảm chi phí kinh doanh, nâng cao mức độ an toàn lao động và bảo vệ môi trường;
 - Tạo điều kiện cho các cổ đông thực sự là người làm chủ doanh nghiệp, đảm bảo quyền lợi của cổ đông; cải tiến, thiết lập phương thức quản lý tiên tiến, tạo động lực thúc đẩy Công ty sản xuất kinh doanh có hiệu quả, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động. Kịch bản toàn bộ máy theo hướng tinh gọn và chất lượng, tăng cường bộ phận khai thác thị trường, tìm kiếm các nguồn cung cấp nguyên vật liệu đảm bảo chất lượng và ổn định.
5. **Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** Ý kiến của Kiểm toán viên đối với Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016 của Công ty là ý kiến chấp thuận toàn phần.
6. **Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty**
- a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Công ty luôn cố gắng tiết kiệm nguồn năng lượng sử dụng điện, nước một cách tối đa.
 - b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Công ty luôn quan tâm đến lợi ích của người lao động, người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ phúc lợi của Công ty.
 - c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty chấp hành tốt các quy định của địa phương.
- IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:**
1. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**
- Năm 2016 Công ty đã đạt được những kết quả nhất định song vẫn còn những tồn tại rất cần có sự cố gắng của Ban điều hành công ty để chỉ đạo và thực hiện tốt những định hướng, chiến lược đề ra.

- Các chỉ tiêu sản lượng sản xuất, doanh thu bán hàng, lợi nhuận đã đạt được theo kế hoạch đã đề ra.
- 2. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty :**
Năm 2016 Ban giám đốc công ty đã chuẩn bị tốt các nội dung báo cáo hàng quý, năm trình Hội đồng quản trị xem xét và phê duyệt. Tổ chức và thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đã ban hành, thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn trong việc lãnh đạo quản lý, điều hành theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- 3. **Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**
 - Với chủ trương không ngừng mở rộng thị trường, tập trung đội ngũ cán bộ phát huy thế mạnh điều kiện sẵn có để nâng cao chất lượng mang lại hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.
 - Bảo toàn và phát triển vốn, cơ cấu nguồn vốn hợp lý, duy trì tình hình tài chính lành mạnh, sản xuất kinh doanh có hiệu quả nhằm đảm bảo an toàn tài chính và tối ưu hóa nguồn thu cho Công ty.

V. Báo cáo tài chính:

Ý kiến kiểm toán: Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính đã kiểm toán (đính kèm).

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
QUÁN TRIỀU VVMI

